



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Pin Hà Nội

Ngày 30/06/2025	70,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.0%	-1.6%	-8.9%

DT thuần Q2/25
83.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.5 -26.1%
YoY: ▼9.50 -10.3%

LN thuần Q2/25
9.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.86 -33.3%
YoY: ▼5.16 -34.6%

LN sau thuế Q2/25
8.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.44 -29.6%
YoY: ▼4.24 -34.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
12.6%
YoY: +/- ▼ 0.4%

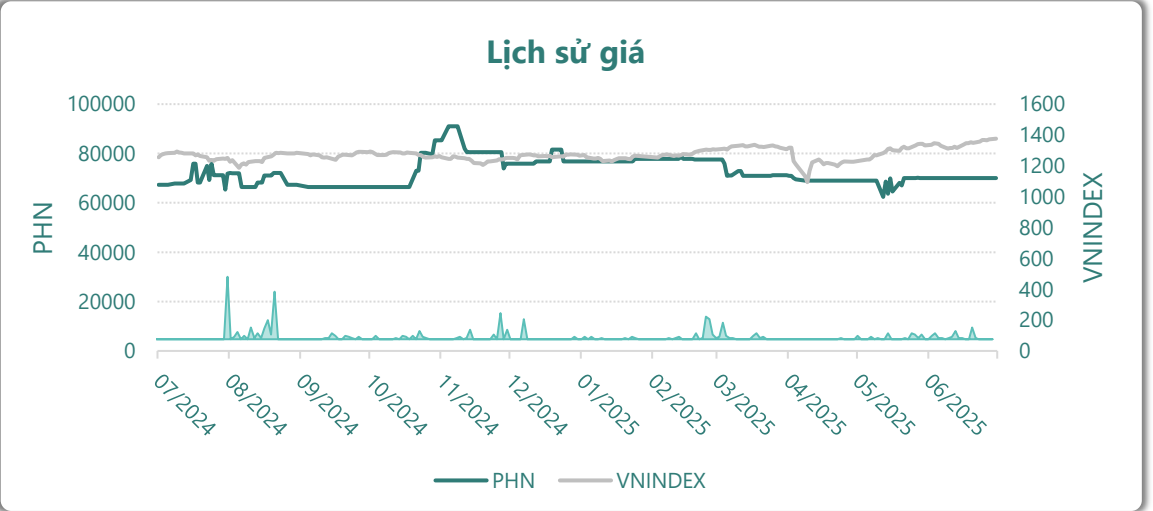
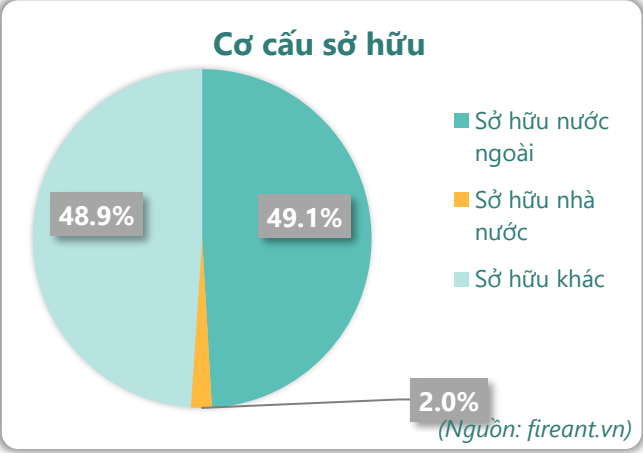
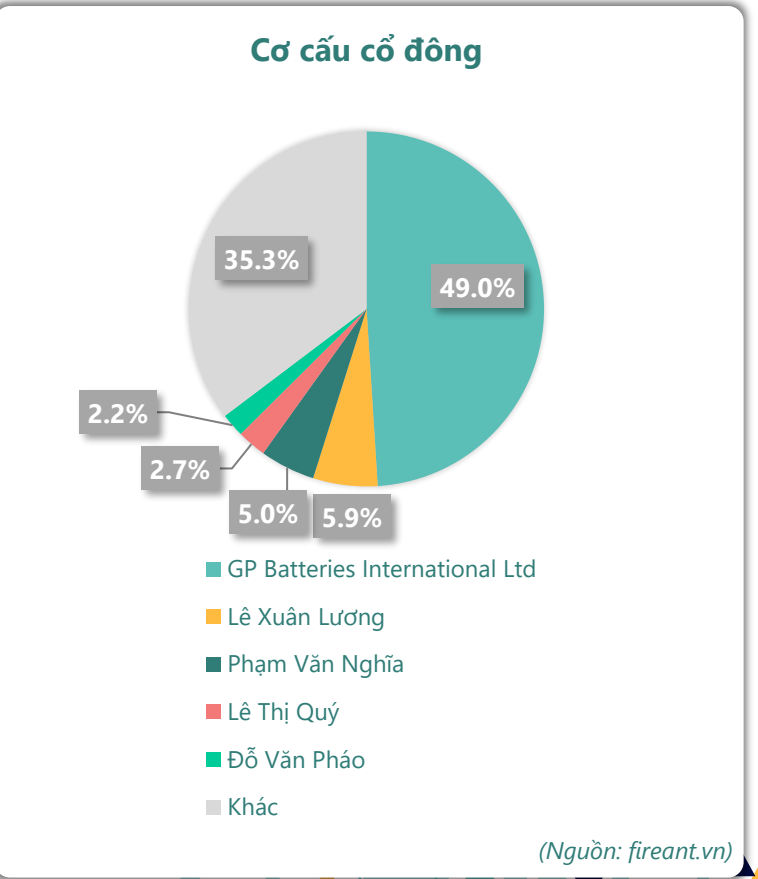
ROE (TTM) Q2/25
29.5%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	62,417 - 91,029
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	508
Số lượng CPLH (CP)	7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	49.1%
Beta	0.07
EPS	6,098
P/E	11.5

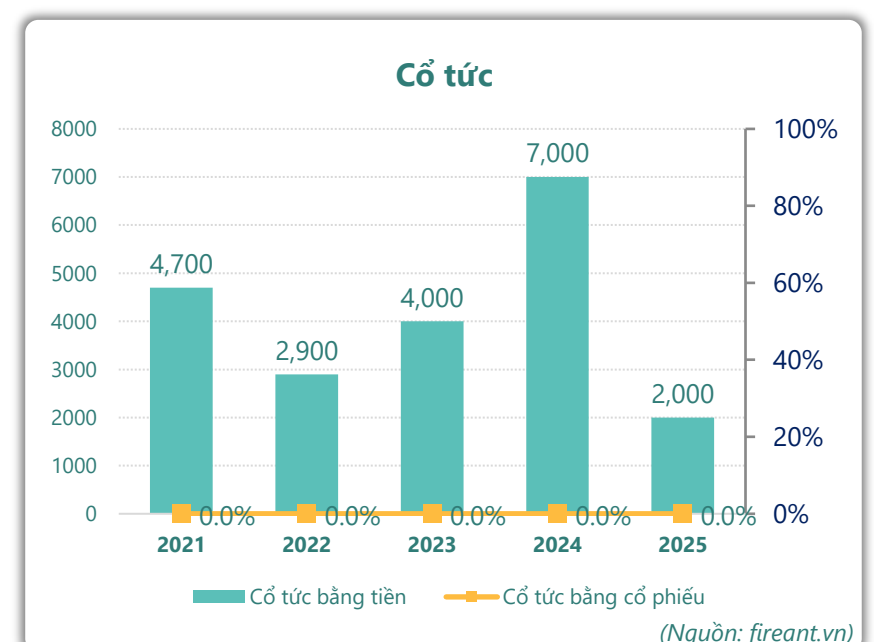
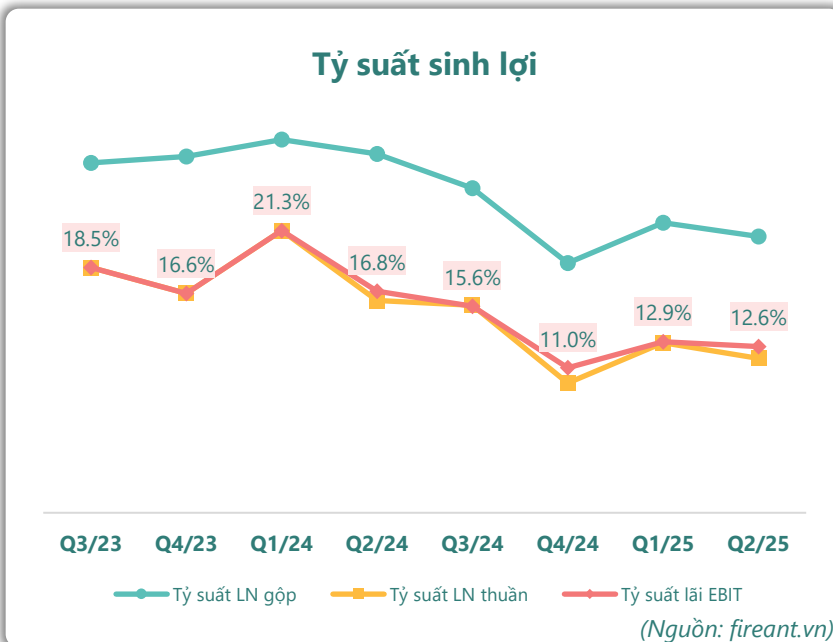
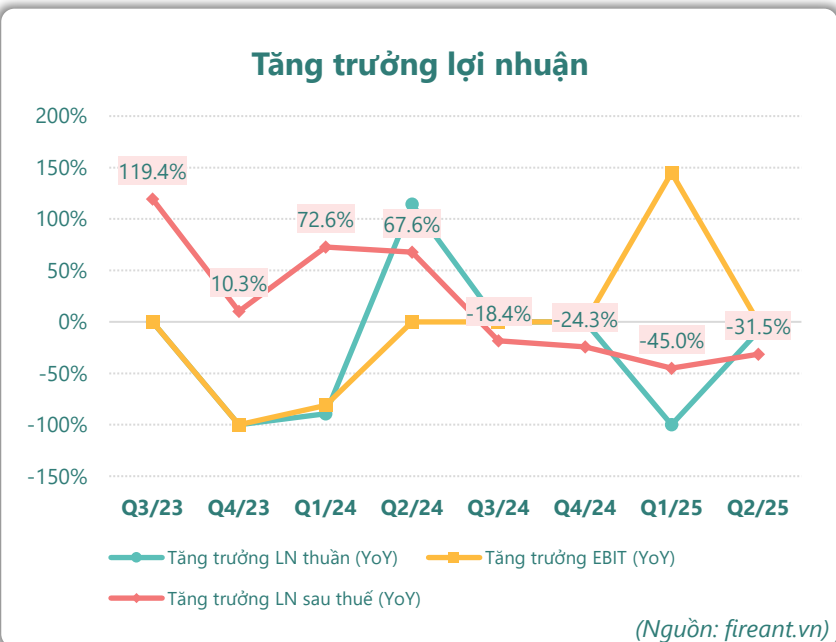
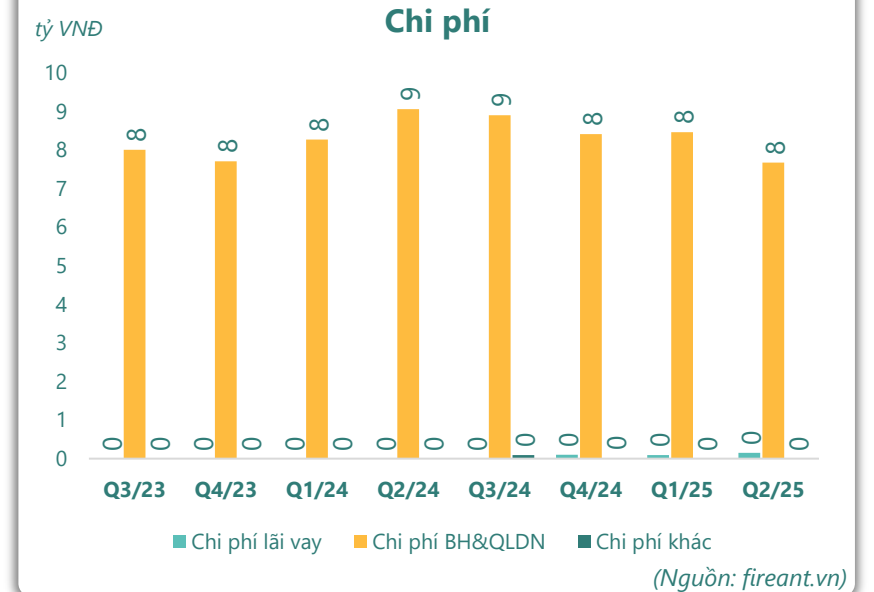
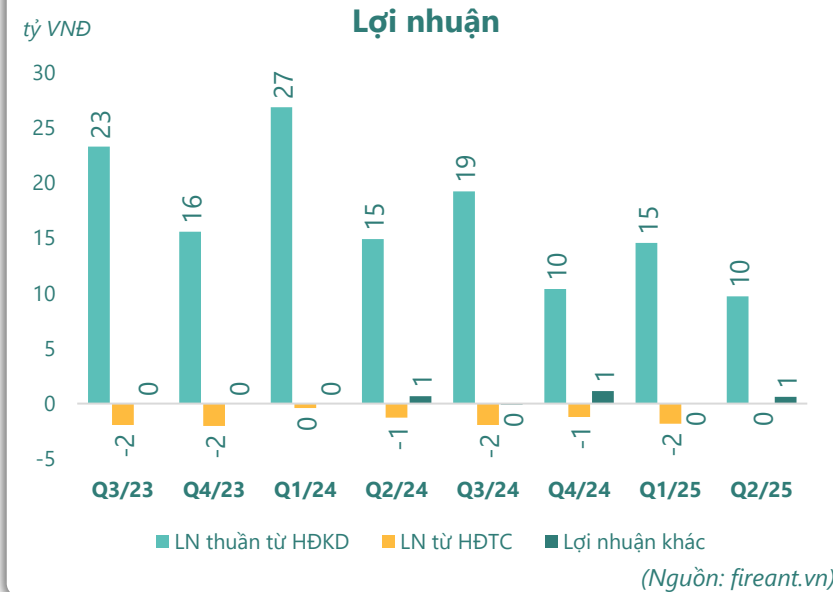
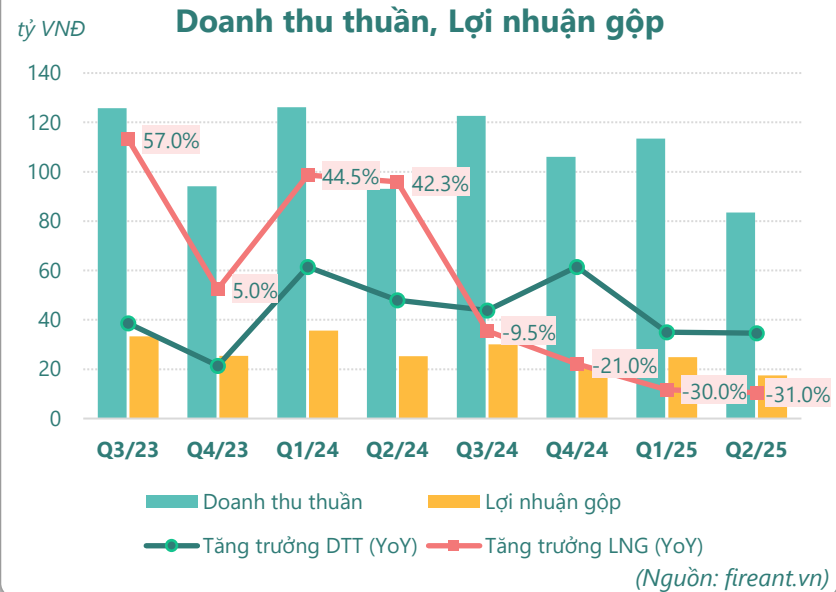
DT thuần 6T 2025
197
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.0 -10.1%

LN thuần 6T 2025
24.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.5 -41.8%

LN sau thuế 6T 2025
19.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.1 -41.7%



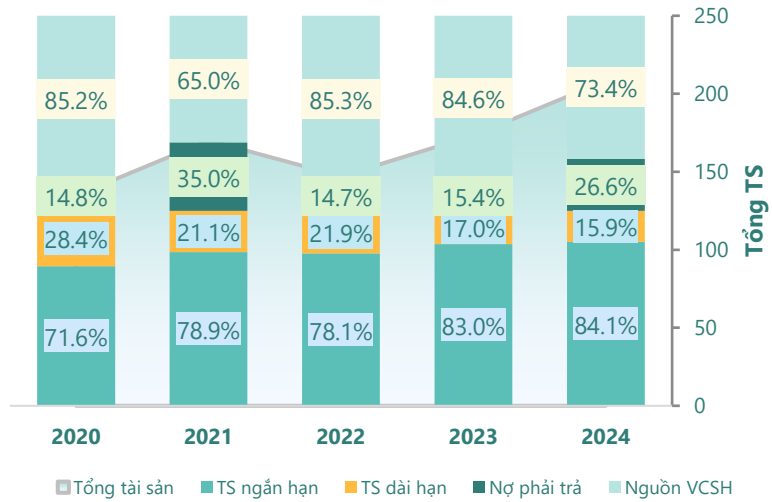
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

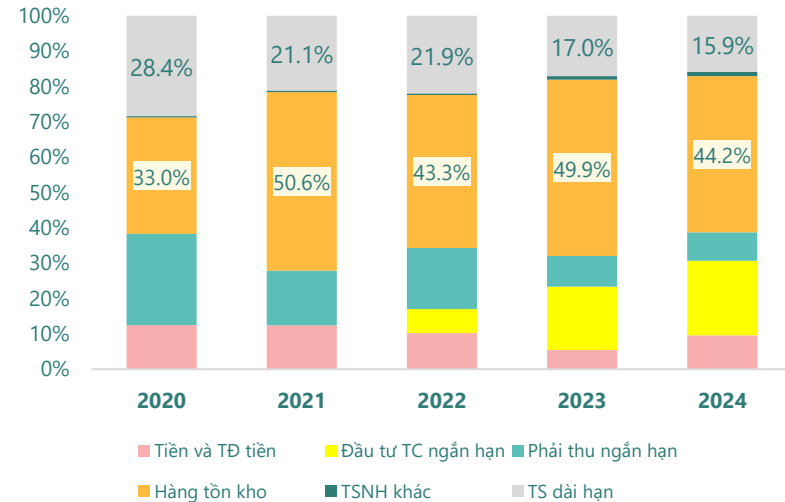
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

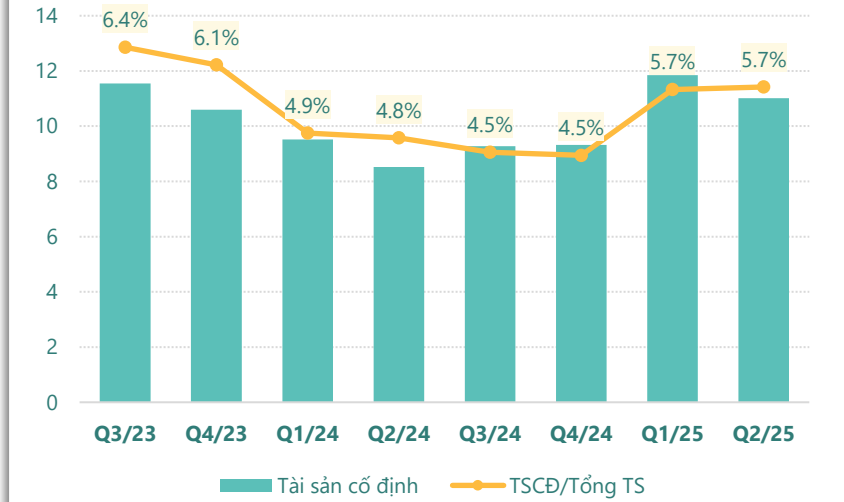
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

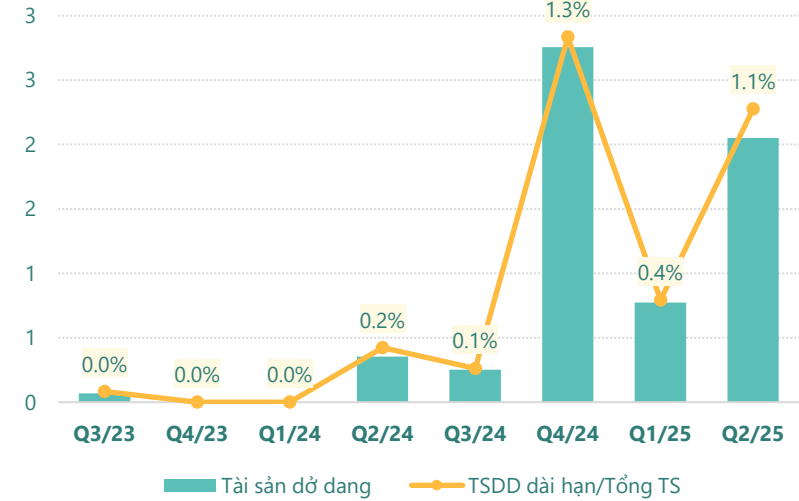
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

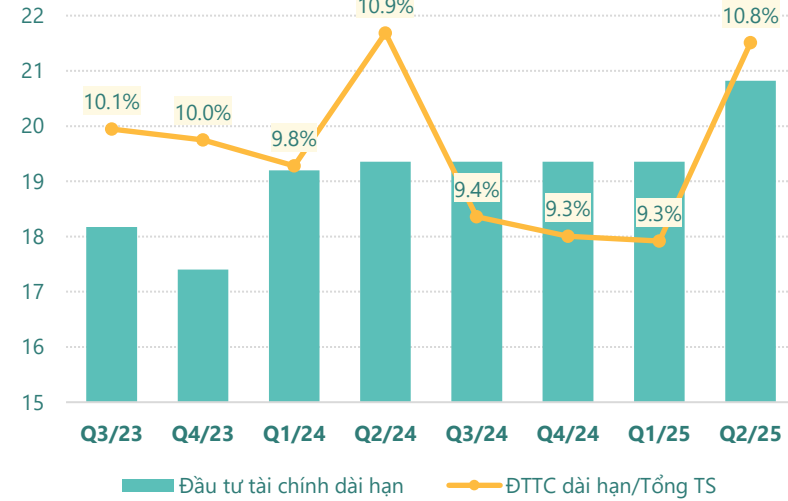
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

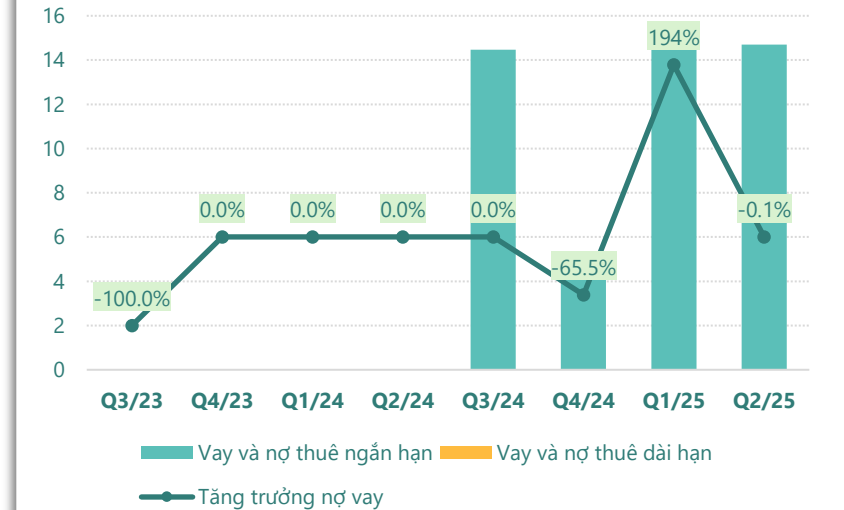
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

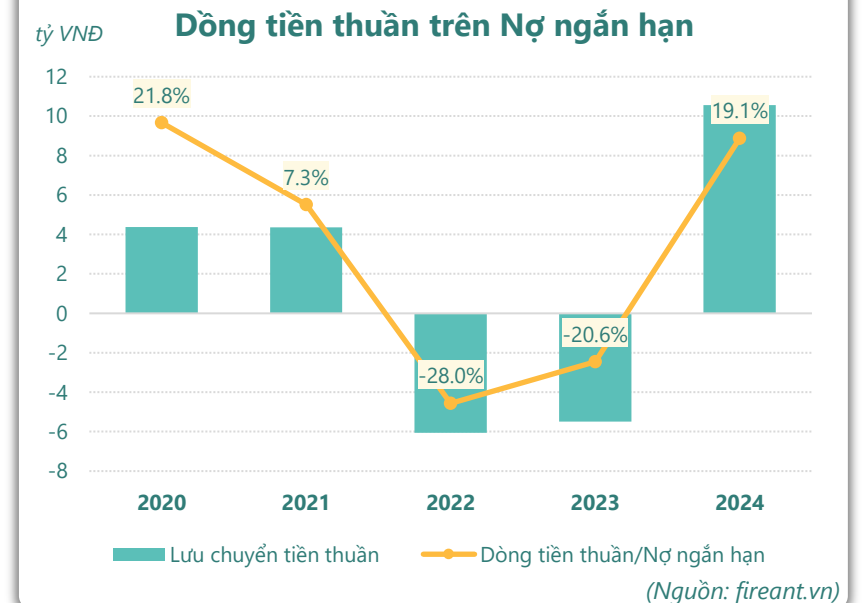
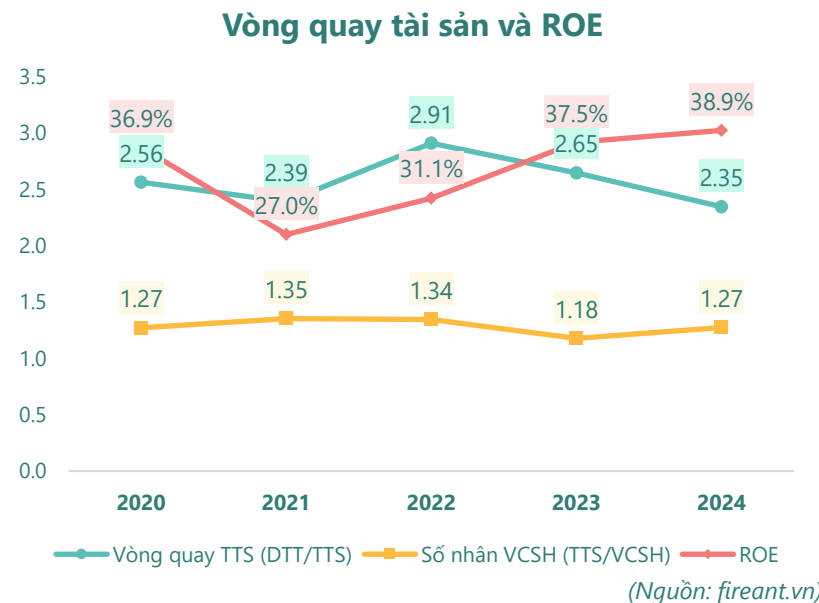
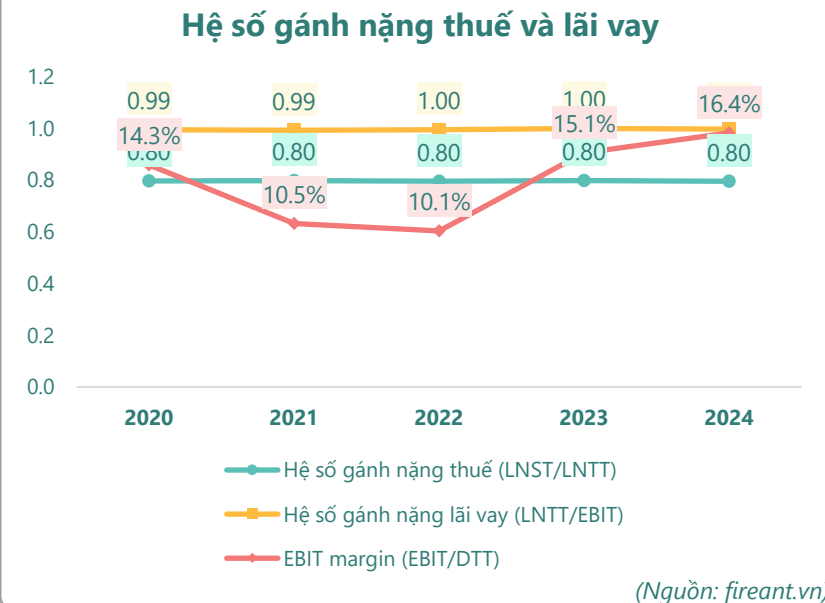
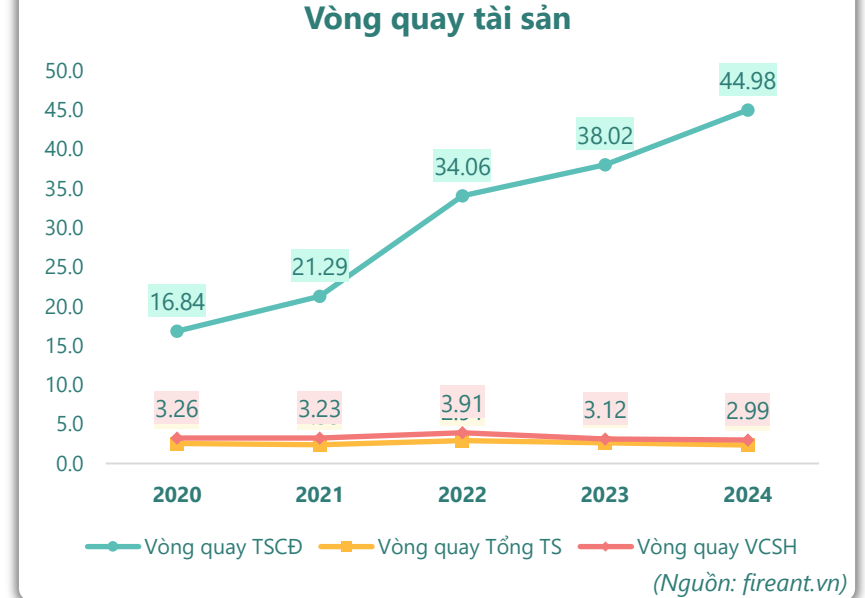
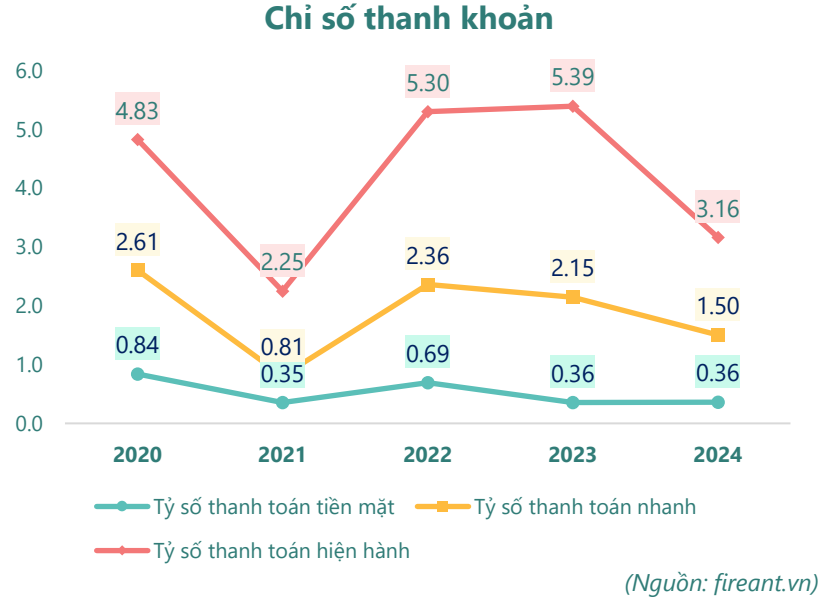
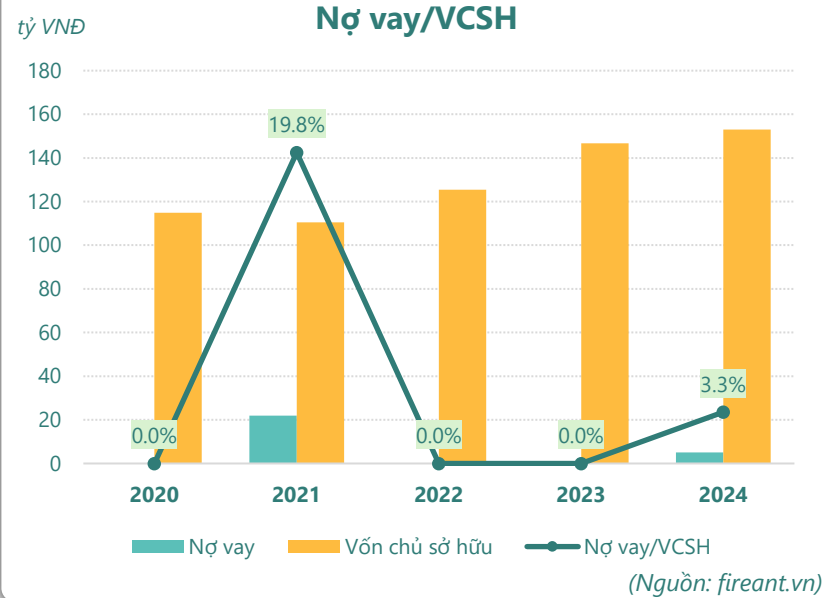
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	83.5	93.0	-10.3%	197	219	-10.1%
Giá vốn hàng bán	66.0	67.8	-2.6%	155	158	-2.3%
Lợi nhuận gộp	17.4	25.3	-31.1%	42.3	60.8	-30.4%
Doanh thu HĐTC	0.79	0.78	1.1%	1.66	1.51	9.7%
Chi phí TC	0.81	2.04	-60.5%	3.51	3.18	10.3%
Chi phí lãi vay	0.15	0.00		0.24	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.78	3.34	-16.8%	6.07	6.49	-6.6%
Chi phí QLDN	4.90	5.72	-14.4%	10.1	10.8	-7.0%
LN thuần từ HĐKD	9.74	14.9	-34.6%	24.3	41.8	-41.8%
Lợi nhuận khác	0.60	0.66	-9.4%	0.60	0.66	-9.8%
LN trước thuế	10.3	15.6	-33.7%	24.9	42.5	-41.3%
Lợi nhuận sau thuế	8.16	12.4	-34.2%	19.8	33.9	-41.7%
LNST của CĐ cty mẹ	8.16	12.4	-34.2%	19.8	33.9	-41.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.9	13.3	-3.21	11.3	-2.60	-9.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.0	10.1	-9.38	7.66	3.30	18.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.03	-36.2	15.4	-9.18	-4.27	-14.6
Tiền đầu kỳ	9.48	20.4	7.54	10.3	20.0	16.5
Lưu chuyển tiền thuần	10.9	-12.9	2.76	9.74	-3.57	-5.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.01	-0.01	0.01	-0.02	0.01
Tiền cuối kỳ	20.4	7.54	10.3	20.0	16.5	11.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	193	208	-7.4%
Tài sản ngắn hạn	156	175	-10.7%
Tiền và tương đương tiền	11.2	20.0	-44.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.4	44.0	-46.8%
Phải thu ngắn hạn	10.2	16.7	-38.7%
Hàng tồn kho	109	92.1	18.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.26	2.44	-7.4%
Tài sản dài hạn	36.5	33.1	10.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.0	9.32	18.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.05	2.76	-25.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.8	19.4	7.6%
Tài sản dài hạn khác	2.63	1.71	53.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.2	55.4	-34.7%
Nợ ngắn hạn	36.2	55.4	-34.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.7	4.99	194%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.61	13.5	-58.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	157	153	2.5%
Vốn chủ sở hữu	157	153	2.5%
Vốn điều lệ	72.5	72.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

